

Bản án số: 492/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-05-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền;

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố H:* Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1108/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 42, xã A, huyện BC, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 42, xã A, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2024, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/TP-HT, Quyền số 01/2003 ngày 08 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Quế C, huyện Quế S, tỉnh QN cấp. Quá trình chung sống Bà và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung là: 1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/8/2004 (đã trưởng thành); 2/ Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2016. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: do ăn nhậu bê tha, thiếu sự thân mật, không tìm thấy sự chia sẻ từ chồng, thiếu sự hỗ trợ về tinh thần, không đồng cảm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Thanh T và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn ông T để bà ổn định cuộc sống riêng bà làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 chung tên: 1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/8/2004 (đã trưởng thành); 2/ Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2016.

Nay ly hôn bà yêu cầu Tòa án xử cho bà được quyền nuôi trẻ Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- **Bị đơn ông Nguyễn Thanh T:** Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt triệu tập ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên các yêu cầu về con chung, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố H phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Yêu cầu này được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Thanh T hiện có địa chỉ cư trú tại số địa chỉ: Tổ 6, Ấp 42 (mới) xã A, huyện BC, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị X được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/TP-HT, Quyền số 01/2003 ngày 08 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Quế C, huyện Quế S, tỉnh QN cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị X về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Nguyễn Thị X tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà X và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông T thường xuyên ăn nhậu chửi bới vợ con, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn nhưng ông T vẫn không đến Tòa án chứng tỏ không còn quan tâm hòa giải vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của bà X là có căn cứ phù hợp theo quy định tại

các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về con chung: Có 02 con chung: 1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/8/2004 (đã trưởng thành); 2/ Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2016. Nay ly hôn bà yêu cầu Tòa án xử cho bà được quyền nuôi trẻ Nguyễn Thanh P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của trẻ muốn tiếp tục sống với mẹ nên nay ly hôn bà X đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Thanh P. Xét việc nuôi con là quyền và trách nhiệm của cha mẹ, tuy nhiên trẻ có nguyện vọng được sống cùng bà X là có căn cứ phù hợp thực tế và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về nợ chung: Bà X xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị X phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051593, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố H phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 06/TP-HT, Quyền số 01/2003 ngày 08 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Quế C, huyện Quế S, tỉnh QN cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/8/2004 (đã trưởng thành); 2/ Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2016. Giao trẻ Nguyễn Thanh P cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà X, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051593, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC Thành phố H.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:

- TAND TP.H

- VKSND H. BC;
- UBND xã Quế C. H.Quế S;
- CCTHA DS H. BC;
- Các đương sự;
- Lưu hs.



Lại Phước Trường